Mẫu số: **01/GTGT-TKHT**
(Kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số (Form No):.....
Ký hiệu (Reference No):.....
Số (No):.....

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)

.....ngày....tháng.....năm....(.....day .... month .... year....)

PHẦN A (do cửa hàng ghi)
PART A (completed by retailer)

1. Thông tin về doanh nghiệp (Company's information)

a. Tên đơn vị bán hàng (Name of retailer): .....
b. Mã số thuế (Tax code): .....
c. Địa chỉ (Address):.....

2. Thông tin về khách hàng (Tourist's information)

a. Họ và tên (Full name): .....
b. Số hộ chiếu (Passport number)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):.....
Ngày cấp hộ chiếu (Date of issue)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents): .....
Ngày hết hạn hộ chiếu (Date of expiry)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents): .....
c. Quốc tịch (Nationality):.....

3. Thông tin về hàng hóa (Commodities' information)

STT (No)	Tên hàng hóa (Name of goods) (1)	Đơn vị tính (Unit of measurement)	Số lượng (Quatity)	Đơn giá (Unit price)	Thuế suất (Tax rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount including VAT)
1	2	3	4	5	6	7 = 4 x 5	8 = 6 x 7	9 = 7 + 8
1	A							
2	B							
3	C							
...	...							
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total excluding VAT):								
Tổng số tiền thuế GTGT (Total VAT):								
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):								

Số tiền viết bằng chữ (Total payment by word):	
Người nước ngoài mua hàng (Tourist) (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature and full name)	Đại diện đơn vị bán hàng (Seller) (Chữ ký số người bán)

Ghi chú: (1) bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử.

Note: (1) including trademarks and markings (products' serial, model numbers (if available), origin for imported goods, or engine number for electro-mechanical goods

Mẫu số (Form No):.....
Ký kiệu (Reference No):.....
Số (No):.....

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)

...ngày....tháng.....năm.....(.....day.... month .... year....)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài (Important notice to tourists)
- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để được hoàn thuế giá trị gia tăng; (Tourists must fulfill all the conditions specified in Circular No 72/2014/TT-BTC dated 30/5/2014; Circular No 92/TT-BTC dated 31/12/2019 amending, supplementing the Circular No 72/2014/TT-BTC by the Minister of Finance to be eligible for VAT refund) - Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn); (Tourists must claim for VAT refund within 60 days from the date of purchase (from the date of issuing invoice) - Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/ đường biển tại sân bay quốc tế/ cảng biển quốc tế. (Tourists shall claim for VAT refund when deparfaring from International Airport/ International Seaport)
Phần B (Dành cho cơ quan hải quan) (Part B (completed by customs))
Ghi kết quả kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn (Examination results of VAT refund invoice and declaration, goods; calculation of VAT amount refunded to tourist)
- Kết quả kiểm tra hàng hóa, tính số thuế GTGT được hoàn (Result of goods examination, calculation of VAT refund amount):

STT (No)	Tên hàng (Name of goods)	Số lượng (Quantity)	Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế (VAT amount declared in VAT	Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article

			refund invoice and declaration)	12 of the Circular 72/2014/TT-BTC of the Minister of Finance)
1	A			
2	B			
3	C			
…	…			
Tổng cộng (Total)				

……ngày……..tháng…….năm ..... (...day … month… year …)
Người kiểm tra (Examination officer)
(Ký, đóng dấu công chức, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)

PHẦN C (Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế)
Part C (completed by commercial bank approved as VAT refund agent)

- Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh:
(Date and number of the Flight/Ship of the tourist)

- Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh:
(VAT amount refunded for the tourist)

- Hình thức thanh toán (Payment methods):

+ Tiền mặt (Cash) □

+ Qua thẻ quốc tế (Via international card) □

++ Số thẻ (6 số đầu và 4 số cuối của thẻ)

Card number (first six and last four digits of a card)

++ Tên thẻ:
(Cardholder name)

..... ngày... tháng....năm..... (…..day….month…..year....)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)